TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **377**/2019/HS-PT
Ngày: 21/11/2019/

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Trương Minh Tuấn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức D** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 358/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo: Ngô Thị Thùy D "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1567/2019/QĐXXPT-HS ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo:

Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 03/10/1988 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT: thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Hữu N (s) và bà Nguyễn Thị H Y (s), có chồng là Trần Trọng H và có 02 con: con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Thùy D:** Ông **H Đồng T** – Luật sư VPLS H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2011 đến tháng 5/2017, Ngô Thị Thùy D là nhân viên thủ quỹ và thống kê công ty TNHH một thành viên X thuộc Tổng công ty xây dựng T. Ngày 17/6/2014, Lữ đoàn X thuộc Binh đoàn Y ra Quyết định số 644/QĐ-LĐ giao quyền quản lý đất làm nhà ở cho D, vị trí lô đất số 125, dãy B1.1, phường H, quận L, Đà Nẵng. D đã bán lô đất này vào năm 2015. Do nợ của nhiều người không có để trả và cần tiền để tiêu xài cá nhân, từ khoảng giữa năm 2016 đến đầu tháng 7/2017, Ngô Thị Thùy D đã làm giả nhiều quyết định giao đất ở cho cán bộ, nhân viên của Lữ đoàn X rồi lừa thế chấp vay tiền và lừa bán đất cho nhiều người nhằm chiếm đoạt 6.310.000.000đ của 18 người bị hại. Cụ thể:

I. Sử dụng quyết định giao đất giả đứng tên bị cáo để lừa đảo chiếm đoạt tiền vay với tổng số tiền 1.515.000.000đ (Một tỷ năm năm mười lăm triệu đồng) của 05 người.

Ngô Thị Thùy D làm giả Quyết định về việc giao đất ở cho cán bộ, nhân viên đối với lô đất đứng tên Ngô Thị Thùy D bằng cách lén lút dùng con dấu thật của Lữ đoàn X đóng vào góc phải của nhiều tờ giấy A4, sau đó đến tiệm photocopy bên hông trường N, phường H, quận L (D không nhớ tiệm nào) thuê đánh máy mẫu Quyết định giao lô đất số 125 đứng tên D rồi scan chữ ký của Đại tá Đặng Văn Q – Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn X vào mẫu Quyết định này, sau đó để tờ giấy A4 có con dấu thật vào máy in rồi in ra và đem quyết định này đem thế chấp vay tiền và chiếm đoạt của 05 người sau:

1. Chiếm đoạt của anh Đ Vũ Việt P số tiền 695.000.000 đồng:

Khoảng đầu năm 2016, thông qua Lê Thị H V, Ngô Thị Thùy D đến gặp anh Đ Vũ Việt P để vay tiền, có sự chứng kiến của V, những lần vay tiền này D đều trả đúng hạn. Đến tháng 02/2017, D sử dụng quyết định giao đất giả lô số 125 mang tên D để thế chấp vay của anh P số tiền 415.000.000đ, lãi suất 3%/tháng. D viết giấy mượn tiền và hẹn 03 tháng sau sẽ trả. Ngày 13/02/2017, D vay thêm 80.000.000đ, với lãi suất 3%/tháng và viết giấy mượn tiền hẹn ngày 05/3/2017 sẽ trả. Ngày 10/4/2017, D tiếp tục đến nhà anh P vay 200.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền và hẹn một tháng sau sẽ trả tiền nhưng đến hẹn D không trả được khoản nợ nào. D khai anh P cho D vay tiền với lãi suất từ 30% đến 45%/tháng nhưng không có giấy tờ thể hiện việc này. Đến nay, D không trả được số tiền đã vay cho anh P.

2. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Minh H số tiền 220.000.000 đồng:

Ngày 28/4/2016, Ngô Thị Thùy D đến gặp anh H vay 30.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết hợp đồng mượn tiền và hẹn 01 tháng sau sẽ trả. Ngày 21/7/2016, D tiếp tục đến vay của anh H 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền và hẹn 03 tháng sau trả tiền. Ngày 31/01/2016, D tiếp tục vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết hợp đồng mượn tiền và hẹn một tháng sau trả tiền. Những lần vay này, D đều trả lãi đúng hạn. Đến tháng 12/2016, D hỏi vay tiếp số tiền

60.000.000đ thì anh H yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên D đem Quyết định giao đất giả lô đất số 125 tên Ngô Thị Thùy D đến thế chấp cho H để vay tiền. Ngày 04/01/2017, D tiếp tục vay số tiền 60.000.000đ, với lãi suất 3%/tháng, D viết hợp đồng mượn tiền và hẹn 20 ngày sau sẽ trả tiền. Đến hạn, D không có tiền để trả khoản nợ nào cho anh H. D khai vay tiền của H với lãi suất 3%/tháng nhưng không có giấy tờ thể hiện việc này. Sau đó, D không trả số tiền đã vay cho anh H.

3. Chiếm đoạt của vợ chồng anh Phạm Văn H số tiền 160.000.000 đồng:

Tháng 10/2016, anh Phạm Văn H nhận làm cửa sắt cho nhà đang xây dựng của Ngô Thị Thùy D. Lúc này, D hỏi vay tiền của vợ chồng anh H và thế chấp quyết định giả về việc giao đất ở lô số 112 mang tên Lê Viết C. D nói với anh H lô đất này D đã mua lại của anh C, anh H tin lời D nói nên nhiều lần cho D vay tiền: Ngày 23/10/2016, D vay của anh H 40.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền, hẹn 03 tháng sau sẽ trả tiền. Ngày 27/10/2016, D vay 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền, hẹn 03 tháng sau trả. Ngày 31/10/2016, D vay 30.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền và hẹn 03 tháng sau trả. Ngày 16/11/2016, D tiếp tục vay số tiền 40.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền và hẹn 03 tháng sau trả. Nhưng sau đó D không trả nợ cho anh H.

4. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 260.000.000đ:

Khoảng cuối năm 2016, qua các mối quan hệ quen biết, D hỏi vay tiền của chị Nguyễn Thị Thanh T và thế chấp quyết định giao đất giả mang tên D, do không có tiền và tin tưởng D có tài sản thế chấp nên chị T giới thiệu và bảo lãnh cho D vay tiền của chị Phạm Thị N và chị Nguyễn Thị H (là chị em họ của T). Cụ thể: Ngày 14/12/2016, D vay của chị Phạm Thị N 100.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền và hẹn 20 ngày sau trả tiền. Ngày 15/12/2016, D vay của chị Nguyễn Thị H 60.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền và hẹn 20 ngày sau trả tiền. Ngày 23/12/2016, D tiếp tục vay của chị H 100.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, D viết giấy mượn tiền và hẹn một tháng sau trả tiền. Sau khi biết tin D dùng Quyết định giao đất giả thế chấp vay tiền rồi chiếm đoạt tiền của chị N và chị H, chị T đã tự trả tiền lại cho chị N và chị H.

5. Chiếm đoạt của anh Phan Văn H số tiền 180.000.000đ:

Khoảng giữa năm 2016, qua sự giới thiệu của Lê Thị H V, D đến gặp anh H để vay tiền. D nói cần tiền để kinh doanh áo quần và vay của anh H 100.000.000đ, lãi suất 3%/tháng và hẹn 3 tháng sau trả tiền. Hàng tháng, D đều trả lãi đầy đủ. Đến khoảng đầu năm 2017, do không có tiền trả nợ cho anh H nên D viết giấy bán đất và giao quyết định giao đất giả mang tên D cho anh H. Anh H không nghi ngờ gì và đồng ý mua lô đất này với giá 360.000.000đ và đặt cọc 180.000.000đ, do D còn nợ anh H tiền nên anh H chỉ giao thêm cho D số tiền 80.000.000đ. D hẹn 01 tháng sẽ

giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H. Đến hẹn D không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H và không trả tiền cho anh H.

Toàn bộ số tiền vay mượn nêu trên, D khai sử dụng để trả nợ, trả lãi cho các khoản vay và hiện không có khả năng trả lại cho những người đã vay.

II. Sử dụng các quyết định giao đất giả đứng tên bị cáo và 03 người khác để lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 4.795.000.000đ (Bốn tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu đồng) của 13 người.

Khoảng đầu tháng 3/2017, do không thể vay được tiền để trả nợ, với thủ đoạn đã nêu trên, D đã làm giả các Quyết định về việc giao đất cho cán bộ, nhân viên Lữ đoàn X đối với 04 lô đất: 125, 126, 103, 106. D đã sử dụng những tờ giấy A4 có đóng con dấu thật của Lữ đoàn X (D đã lén lút đóng trộm được như đã nêu ở mục I) vào góc phải của tờ giấy và đến tiệm photocopy bên hông trường N và tiệm photocopy N đường T (do ông Võ Xuân Đ làm chủ) thuê scan con dấu thật ra nhiều bản, sau đó đánh máy mẫu Quyết định giao đất, scan chữ ký của Đại tá Đặng Văn Q vào mẫu cho phù hợp, rồi để tờ giấy A4 có con dấu scan của Lữ đoàn X vào máy in để in ra Quyết định giả với tên những người mà D lừa bán đất rồi đem giao cho họ. Cụ thể:

*** Đối với lô đất 125 đứng tên Ngô Thị Thùy D, D đã lừa bán để chiếm đoạt tiền của 07 người sau:**

1. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Việt T số tiền 550.000.00đ

Thông qua mối quan hệ quen biết, ngày 06/4/2018, Ngô Thị Thùy D đến gặp anh Nguyễn Việt T giới thiệu có lô đất số 125 dãy B1.1, phường H cần bán. D cho anh T xem quyết định về việc giao đất mang tên D (quyết định giả), anh T đồng ý mua với giá 550.000.000đ. Anh T giao tiền cho D và D viết giấy bán lô đất trên cho anh T, D hẹn 02 tháng sau sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến hẹn D đã không giao cho anh T giấy tờ gì. Tuy nhiên, D khai: D đã thế chấp quyết định về việc giao lô đất số 125 mang tên D (quyết định giả) cho anh T để vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 550.000.000đ. Đến ngày 06/4/2017, không có tiền để trả cho anh T, D viết giấy bán lô đất này cho anh T và hẹn 02 tháng sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến hạn D không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không trả tiền cho anh T.

2. Chiếm đoạt của chị Bùi Thị L số tiền 400.000.000đ

Thông qua mối quan hệ quen biết, Ngô Thị Thùy D đã thế chấp quyết định về việc giao đất mang tên D (quyết định giả) để vay của chị L số tiền 100.000.000đ. Đến ngày 18/4/2017, không có tiền để trả cho chị L, D viết giấy bán lô đất này cho chị L với giá 480.000.000đ. Chị L đặt cọc 300.000.000đ (Chị L trừ nợ số tiền D mượn và chỉ giao cho D 200.000.000đ. D hẹn 02 tháng sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Thị L và tiếp tục nhận của chị L số tiền

100.000.000đ. Đến hẹn D không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị L và không trả tiền cho chị L.

3. Chiếm đoạt của chị Trịnh Thị Thùy H số tiền 320.000.000đ

Khoảng giữa năm 2016, thông qua sự giới thiệu của Lê Thị H V, Ngô Thị Thùy D đã nhiều lần vay tiền của chị Trịnh Thị Thùy H với tổng số tiền trên 300.000.000đ và thế chấp Quyết định giả về việc giao đất đứng tên D, lãi suất 5%/tháng. Đến ngày 15/6/2017 do không có tiền để trả nợ cho chị H, D viết giấy đặt cọc tiền đất, nội dung bán lô đất đã thế chấp để mượn tiền trước đó cho chị H với giá 550.000.000đ, chị H đặt cọc trước 303.000.000đ (là số tiền D đang nợ chị H) và hẹn 15 ngày sẽ giao Quyết định giao đất đứng tên chị H. Ngày 03/7/2017, sau khi làm Quyết định giả đứng tên Trịnh Thị Thùy H đối với lô đất số 125, D đưa cho chị H và tiếp tục nhận của chị H số tiền 147.000.000đ. Sau khi nhận tiền từ H, D đem trả cho V 30.000.000đ. Khi nhận Quyết định giao đất đứng tên mình, chị H nghi ngờ, tìm hiểu thì biết Quyết định này là giả nên gặp D đòi tiền, D trả cho chị H số tiền 100.000.000đ và hẹn hôm sau sẽ trả hết số tiền còn lại cho chị H. Khi biết số tiền mà D trả cho mình là do D lừa lấy của chị H, V đã đem trả lại cho chị H 30.000.000đ. Đến hẹn không thấy D trả tiền nên chị H báo cơ quan công an.

4. Chiếm đoạt của anh Lưu Trọng C số tiền 750.000.000đ

Khoảng đầu tháng 4 năm 2017, Ngô Thị Thùy D liên lạc với anh Lưu Trọng C đặt vấn đề bán lô đất số 125 của D vì tin tưởng là hàng xóm với nhau, anh C đồng ý mua lô đất này với giá là 450.000.000đ. Ngày 07/4/2017, tại nhà D, D giao cho anh C một Quyết định giao lô đất số 125 đứng trên Lưu Trọng C và nhận của anh C số tiền 370.000.000đ. D viết giấy nhận tiền và hẹn một tháng sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến hẹn D không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không trả tiền cho anh C.

Ngoài ra, cũng bằng hình thức trên, D đã lừa bán cho anh C lô đất giả số 103 đứng tên Nguyễn Tấn D với giá là 460.000.000đ. Ngày 05/5/2017, tại Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh H V, Tp Đà Nẵng, D viết giấy nhận của anh C số tiền 380.000.000đ và giao cho anh C một Quyết định giả về việc giao lô đất 103 đứng tên Lưu Trọng C. D hẹn một tháng sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C nhưng đến hẹn D không thực hiện lời hứa của mình và cũng không trả tiền lại cho anh C.

5. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Tất T số tiền 300.000.000đ

Biết thông tin anh Nguyễn Tất T có nhu cầu mua đất nên Ngô Thị Thùy D đến gặp anh T đặt vấn đề bán lô đất số 125 của D, anh T đồng ý mua lô đất này với giá 400.000.000đ. Ngày 02/4/2017, D giao cho anh T một bản phô tô Quyết định giao lô đất số 125 đứng tên Nguyễn Tất T và viết giấy nhận của anh T số tiền

300.000.000đ, D hẹn hai tháng sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến hẹn D không thực hiện được lời hứa.

6. Chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H C số tiền 250.000.000đ

Thông qua chị Võ Thị Thanh T (người mua đất giả của D), Ngô Thị Thùy D gặp chị C đặt vấn đề bán lô đất giá 125 của D, chị C đồng ý mua lô đất này với giá là 500.000.000đ và thỏa thuận đặt cọc 50%, số còn lại sẽ trả khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19/4/2017, D đưa cho chị C xem Quyết định giả về việc giao lô đất cho D và nhận tiền cọc 250.000.000đ. D hẹn ba tháng sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến hẹn D không thực hiện được lời hứa.

7. Chiếm đoạt của anh Thái Quang H số tiền 50.000.000đ

Đầu tháng 7/2017, thông qua anh Đào Hữu H (người mua đất giả của D). Ngô Thị Thùy D gặp anh H đặt vấn đề bán lô đất số 125 của D, anh H đồng ý mua lô đất này với giá là 530.000.000đ. Ngày 03/7/2017, D giao cho anh H một bản phô tô Quyết định giao lô đất số 125 đứng tên D và viết giấy nhận tiền cọc 50.000.000đ. Đến ngày 04/7/2017, D bị Cơ quan CSĐT Công an triệu tập làm việc nên đã giao nộp lại số tiền.

*** Đối với lô đất số 126 đứng tên Nguyễn Thu T, D đã lừa bán để chiếm đoạt tiền của 02 người sau:**

1. Chiếm đoạt của anh Vy Văn G số tiền 330.000.000đ

Qua giới thiệu của anh Đào Hữu H (người mua đất giả của D), D đã gặp anh Vy Văn G để trao đổi bán lô đất số 126 đứng tên Nguyễn Thu T, anh G đồng ý mua với giá là 470.000.000đ (anh G khai mua giúp cho bạn là Lê Đình N). Ngày 13/6/2017, tại quán cà phê số 10 N, thành phố Đà Nẵng, D viết hợp đồng đặt cọc và nhận của anh G số tiền 50.000.000đ, hẹn một tuần sau sẽ giao cho anh G một bản phô tô Quyết định giả về việc giao lô đất 126 đứng tên Lê Đình N (có đóng con dấu đỏ của Lữ đoàn X treo ở góc trái) và nhận thêm của anh G số tiền 230.000.000đ. D hẹn sẽ giao cho anh G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Đình N. Đến hẹn, D không thực hiện được lời hứa.

Ngoài ra, cũng với thủ đoạn trên, D còn lừa bán cho anh G lô đất số 125 của D. Anh G đồng ý mua lô đất này với giá là 470.000.000đ. Ngày 29/6/2017, tại nhà anh G, D viết giấy nhận tiền cọc của anh G 50.000.000đ và hẹn tuần sau sẽ giao Quyết định giao đất đứng tên anh G nhưng D không thực hiện được lời hứa của mình.

2. **Chiếm đoạt của chị Võ Thị Thanh T số tiền 250.000.000đ**

Qua giới thiệu của anh Lương Văn H, Ngô Thị Thùy D gặp chị T đặt vấn đề bán lô đất số 126, chị T đồng ý mua lô đất này với giá là 520.000.000đ, hai bên thỏa thuận đặt cọc trước 50.000.000đ, khi có Quyết định đứng tên Nguyễn Công K thì giao 200.000.000đ, số còn lại giao khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/6/2017, D viết hợp đồng đặt cọc nhận của chị T số tiền 50.000.000đ và hẹn ngày 30/6/2017 sẽ giao Quyết định giao lô đất trên đứng tên Nguyễn Công K. Đúng hẹn D giao cho chị T một bản phô tô Quyết định giả này và nhận thêm 200.000.000đ. Sau đó, D không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T như đã hứa.

(Chị Võ Thị Thanh T khai anh Nguyễn Công K nhờ chị mua đất nên đưa số tiền trên cho chị T, sau khi biết D có hành vi lừa đảo, chị T đã tự trả tiền cho anh K).

*** Đối với lô đất số 103 đứng tên Nguyễn Tấn D, D đã lừa bán để chiếm đoạt tiền của 03 người sau:**

1. Chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H số tiền 860.000.000đ

Thông qua mối quan hệ quen biết, Ngô Thị Thùy D gặp chị H đặt vấn đề bán lô đất trên, chị H đồng ý mua lô đất này với giá là 450.000.000đ. Ngày 25/4/2017, tại nhà chị H, D viết giấy thỏa thuận mua bán đất và nhận của chị H số tiền 350.000.000đ, hẹn một tuần sau đưa Quyết định giao đất đứng tên chị H. Đúng hẹn, D giao cho chị H một bản phô tô Quyết định giả về việc giao lô đất này đứng tên Hoàng Thị H và nhận tiếp của chị H số tiền 80.000.000đ để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, D đã không thực hiện được lời hứa.

Ngoài ra chị H còn chung tiền với bà Đồng Thị M để mua lô đất số 125 đứng tên Ngô Thị Thùy D. Vào khoảng tháng 3/2017, D thỏa thuận bán cho chị H lô đất này với giá 450.000.000đ và nhận tiền cọc của chị H 350.000.000đ. Khoảng một tuần sau, D giao cho chị H một bản phô tô Quyết định giả về việc giao lô đất này đứng tên Hoàng Thị H và nhận tiếp của chị H số tiền 80.000.000đ để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất này. Đến hẹn D không thực hiện được lời hứa.

(Số tiền bà Đồng Thị M góp để mua đất chung là 100.000.000đ. Bà M đồng ý cho chị H đại diện mình xử lý đối với số tiền này).

2. Chiếm đoạt của chị Phạm Thị P số tiền 350.000.0000đ

Qua giới thiệu của chị Trịnh Thị Kim L, chị P đến gặp chị Lê Thị H V để mua đất, do giá chị V đưa ra cao nên chị P không mua được và có hỏi chị V thì chị V giới thiệu đến gặp D vì D cũng làm nghề môi giới mua bán đất như chị V. Chị P đến gặp D và hai bên thỏa thuận mua bán lô đất số 103 nêu trên với giá 460.000.000đ. Ngày 25/5/2017, D viết giấy nhận tiền cọc của chị P 50.000.000đ. Ngày 27/5/2017, D đưa cho chị P bản phô tô Quyết định giả về việc giao lô đất trên cho chị Phạm Thị P và nhận tiếp của chị P 300.000.000đ, D hẹn hai tháng sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị P. Sau đó, D không thực hiện được lời hứa.

3. Chiếm đoạt của anh Đào Hữu H số tiền 335.000.000đ

Do quen biết với chị Lê Thị H V, anh H biết D làm nghề môi giới bán đất nên đến gặp D để hỏi mua đất và hai bên thỏa thuận mua bán lô đất số 103 nêu trên

với giá 445.000.000đ. Ngày 17/6/2017, D làm hợp đồng mua bán đất, giao cho anh H 01 quyết định pho tô về việc giao đất và nhận tiền cọc 30.000.000đ. Khoảng năm ngày sau, D gởi hình ảnh Quyết định giả về việc giao lô đất cho anh Đào Hữu H qua Zalo cho anh H xem và ngày 22/6/2017, D nhận tiếp của anh H số tiền 325.000.000đ, D hẹn hai tháng sau sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H nhưng sau đó D không thực hiện được cam kết.

*** Đối với lô đất số 106 đứng tên Hoàng Phi T, D đã lừa bán để chiếm đoạt tiền của anh Trần Anh T số tiền 50.000.000đ.**

Qua giới thiệu của chị Võ Thị Thanh T (người mua đất giả của D), D gặp anh T và đặt vấn đề bán lô đất trên, D cho anh T xem quyết định về việc giao đất cho anh H Phi Trường và nói chủ sở hữu nhờ D bán, anh T tưởng thật nên đồng ý mua với giá 520.000.000đ. Ngày 30/6/2017, D viết hợp đồng mua bán đất và nhận tiền cọc của anh T 50.000.000đ. Ngày 04/7/2018, anh T biết D lừa bán đất để chiếm đoạt tiền của mình.

Toàn bộ số tiền lừa bán đất, D khai đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng để trả lại.

Ngoài ra, Ngô Thị Thùy D còn khai: Khoảng tháng 6/2017, D đã lừa bán lô đất số 126 mang tên Nguyễn Thu T do bà Lê Thị N để chiếm đoạt số tiền 75.000.000đ. Khoảng một tuần sau, bà N phát hiện D lừa bán đất để chiếm đoạt tiền của mình, bà N đã điện thoại cho D và D trả lại cho bà N 50.000.000đ, số tiền còn lại mẹ của D là bà Nguyễn Thị H Yến cam kết trả cho bà N nên bà N không tố cáo và không yêu cầu xử lý việc này đối với D.

Tang vật thu giữ:

+ Các quyết định giả về việc giao đất đối với các lô đất số 125, 126, 103, 106;

+ Số tiền 359.875.000đ (Trong đó D nộp 50.000.000đ là tiền D nhận cọc của anh Thái Quang H; Trần Trọng H (chồng D) nộp 269.875.000đ; Nguyễn Thị H Yến (mẹ D) nộp 40.000.000đ);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus, màu đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng.

Với nội dung trên, tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKSĐN-P3 ngày 14/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Ngô Thị Thùy D về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Ngô Thị Thùy D** phạm tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**" và tội "**Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức**"

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: **Ngô Thị Thùy D 14 (Mười bốn)** năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 341; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: **Ngô Thị Thùy D 02 (Hai)** năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành **16** (**Mười sáu**) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/9/2019 bị cáo Ngô Thị Thùy D có đơn kháng cáo với nội dung: Do bị cáo vay tín dụng đen đến hạn không trả được nợ, lại đang mang thai mà bị người đời nợ hăm dọa nên ức chế tâm lý dẫn đến phạm tội, có một số người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, khi bị chị Trịnh Thị Thùy H tố cáo bản thân đã chủ động đến Công an đầu thú, gia đình đã giúp đỡ khắc phục được một phần hậu quả, đại diện VKS đề nghị mức án thấp hơn HĐXX sơ thẩm, vì hoàn cảnh khó khăn bản thân đã bán nhà để khắc phục hậu quả nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt và giảm cho một phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Ngô Thị Thùy D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và giảm nhẹ án phí.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về nội dung: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Ngô Thị Thùy D phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ án phí, căn cứ vào Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội bị cáo không đủ điều kiện để xin giảm nhẹ.

Luật sư H Đồng Thông bào chữa cho bị cáo có ý kiến mức án Tòa cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nghiêm khắc; Bởi lẽ tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo D đã khai báo rõ ràng đầy đủ thể hiện được sự ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh

bị người khác lợi dụng lòng tin và bị cáo phải vay tiền với lãi suất cao, quẫn trí với số tiền nợ quá lớn, nên bị cáo đã nghe theo sự xúi giục của người khác làm giấy tờ giả nhằm lấy tiền trả bớt nợ. Vì hoàn cảnh như trên, nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên đã có đủ căn cứ xác định: Trong thời gian từ giữa năm 2016 đến đầu tháng 7 năm 2017, bằng các thủ đoạn gian dối bị cáo D đã lừa đảo chiếm đoạt của 18 người bị hại với số tiền 6.310.000.000đ. Trong đó bị cáo đã làm quyết định giao đất giả đứng tên bị cáo để lừa đảo chiếm đoạt tiền của 05 người khác dưới hình thức thế chấp vay với số tiền 1.515.000.000đ; Làm 03 quyết định giao đất giả đứng tên 03 người khác để lừa đảo chiếm đoạt tiền của 13 người khác dưới hình thức thế chấp vay tiền hoặc bán đất khống cho người khác với số tiền 4.795.000.000đ . Với hành vi và hậu quả nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quy kết bị cáo Ngô Thị Thùy D phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000đ trở lên có khung hình phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân) xử phạt bị cáo 14năm tù và phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (phạm tội 02 lần trở lên trở lên có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm) xử phạt bị cáo 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt là 16 năm tù và buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần và xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ như khắc phục hậu quả, người phạm tội là phụ nữ có thai, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn xử phạt bị cáo 16 năm tù cho cả hai tội đều ở mức khởi điểm của khung hình phạt là không nặng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có cơ sở để HĐXX xem xét giảm nhẹ như ý kiến đề nghị của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo; Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ một phần tiền án phí. Thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và dân

sự sơ thẩm 113.950.000đ là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ đủ điều kiện để xem xét miễn giảm, nên HĐXX không chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thị Thùy D về việc yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và giảm tiền án phí; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tuyên bố bị cáo **Ngô Thị Thùy D** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: **Ngô Thị Thùy D 14 (Mười bốn) năm** tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: **Ngô Thị Thùy D 02 (Hai) năm** tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành **16 (Mười sáu) năm** tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bị cáo Ngô Thị Thùy D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 113.950.125đ án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/11/2019).

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS – CA Tp Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

..

Nguyễn Tấn Trường